

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/DS-PT

Ngày: 28 – 01 – 2019

V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Minh Tấn

Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 24 và 28 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2018/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1A, Lư Hữu Phước, khóm 8, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D: Ông Trần Văn Độ, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hữu Nhân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

2. Bà Hứa Thị P, sinh năm 1971 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 23/35, Phan Bội Châu, khóm 4, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P: Ông Lê Thanh Thuận, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Thanh Thuận thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T2 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 8, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Phan Văn T1, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 240, Lê Hồng Phong, khóm 8, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 33/2, Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Người làm chứng:

1. Ông Hứa Văn T3, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đường Cuốc, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- Người kháng cáo: Bà Hứa Thị P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông D trình bày:

Vào ngày 12/8/2017, ông nhậu cùng với ông H, ông S, ông T2 và ông T1 tại nhà ông H; ông có mua của ông T1 một tờ vé số kiến thiết tỉnh Hậu Giang số 739607 mở ngày 12/8/2017, ông mua thiếu tiền ông T1, đến ngày hôm sau ngày 13/8/2017 ông mới trả tiền cho ông T1.

Ngày 13/8/2017, có tổ chức tiệc nhậu tại nhà bà P và ông H, có mặt ông, ông T1, ông H, ông S, ông T2. Tại tiệc nhậu do ông đã say rượu nên lấy vé số trong túi quần ra nhờ ông T1 dò tờ vé số đã mua trước đó; khi dò ông T1 có cho ông biết là đã trúng số nhưng do say rượu nên ông ngủ tiếp một lúc. Sau khi tỉnh dậy thì bà P lĩnh thưởng về nói với ông là vé số trúng giải an ủi nên đưa cho ông 8.000.000 đồng rồi ông tự đi về nhà.

Ngày hôm sau, ngày 14/8/2017 ông đi gặp ông T1 mới biết trúng đặc biệt, ông có đi tìm ông H và bà P nhưng không gặp nên đi đến Công an xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau trình báo sự việc bà P và ông H chiếm đoạt tiền trúng số của ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D xác định đã nhận lại số tiền từ ông T1 25.000.000 đồng, đối với số tiền của ông T1 nhận từ bà P thì ông và ông T1 tự thương lượng. Ông D yêu cầu bà P và ông H trả lại cho ông số tiền 1.780.000.000 đồng được trừ số tiền 58.000.000 đồng bà P đã đưa cho ông và ông T1, còn lại 1.722.000.000 đồng.

Theo bà P trình bày:

Buổi tối ngày 12/8/2017, bà nghe ông H kể lại có tổ chức tiệc nhậu tại nhà, có mặt ông D, ông T1, ông H, ông S, ông T2. Lúc đó ông T1 mời mua vé số, ông H định mua thì ông D nói “lấy tiền đó đi mua rượu đi, tao còn 10 ngàn để tao trả tiền vé số cho”. Khi ông H mua rượu về, ông D đưa tờ vé số cho ông H và nói “tao

cho may nè”; ông H đem tờ vé số cắt vào cổng nhựa để trên bàn máy may trong nhà. Tờ vé số kiến thiết đó của tỉnh Hậu Giang, số 739607 mở ngày 12/8/2017.

Đến ngày 13/8/2017, có tổ chức tiệc nhậu tại nhà bà có mặt ông D, ông H, ông S, ông T2; còn ông T1 đến sau. Ông H kêu bà đem tờ vé số ra dò và ông H nhờ ông T1 dò tờ vé số 739607 thì ông T1 la lên “anh H trúng đặc biệt rồi”. Bà mới kêu ông T1 đưa cho bà tờ vé số để bà dò lại, khi dò lại bà la lên trúng đặc biệt rồi. Ông D có nói “anh mừng quá em dâu ơi, trúng số thì cho tiền anh xài”. Sau đó bà, ông H và ông T2, ông T1 cùng đến Đại lý vé số Sáu Mới lĩnh thưởng, còn ông D và ông S ở nhà nhậu tiếp. Lần thứ nhất khoảng 09 giờ ngày 13/8/2017 lĩnh 280.000.000 đồng, khi lĩnh thưởng tại Đại lý vé số, ông T1 có giật của bà một cọc tiền 50.000.000 đồng rồi bỏ vào cặp của ông T1, khi về nhà bà P ông T1 có nhậu, còn Tú đi lấy chén đĩa rồi ra ngoài lái xe đi, bà P vào nhà phát hiện 50.000.000 đồng từ số tiền lĩnh thưởng bị mất do Tú đã lấy. Đến buổi tối cùng ngày, bà P có đưa cho ông D 20.000.000 đồng tại nhà bà P và ông D biết vợ chồng bà trúng đặc biệt cũng không có ý kiến gì. Ông D và ông T1 ngủ lại nhà bà P đêm 13/8/2017.

Đến sáng ngày 14/8/2017 sau khi ông D đi mua vàng về ông D có gửi lại bà 6.500.000 đồng nhờ bà giữ dùm, hiện bà P đang quản lý. Đến khoảng 09 giờ ngày 14/8/2017 bà P cùng em bà tên Hứa Văn T3 đi lãnh tiền trúng thưởng lần 02 số tiền 1.500.000.000 đồng. Đến 14 giờ cùng ngày, ông T1 và ông D mới từ nhà bà ra về.

Tổng cộng số tiền bà và ông H lĩnh thưởng hai lần là 1.780.000.000 đồng (do trừ tiền thuế và hoa hồng 220.000.000 đồng). Hiện nay bà có gửi tiết kiệm số tiền 1.500.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Cà Mau, số tiền còn lại đã chi xài hết.

Việc ông D yêu cầu bà và ông H phải trả cho ông D số tiền trúng số 1.780.000.000 đồng bà không đồng ý; bà yêu cầu ông T1 trả lại cho bà 50.000.000 đồng, yêu cầu ông D bồi thường danh dự nhân phẩm cho bà vì đã vu khống bà cướp giật và ông D phải xin lỗi bà trước pháp luật.

Theo ông T1 trình bày:

Vào ngày 12/8/2017, ông D có mua của ông một tờ vé số kiến thiết tỉnh Hậu Giang số 739607 mở ngày 12/8/2017, ông D mua thiếu tiền ông tại nhà ông H, đến ngày hôm sau ông D mới trả tiền cho ông.

Vào khoảng 15 giờ ngày 13/8/2017 có tổ chức tiệc nhậu tại nhà bà P và ông H có mặt ông D, ông T1, ông H, ông S, ông T2. Tại tiệc nhậu ông D đã say rượu nằm gần đó nên nhờ ông dò tờ vé số 739607 đã mua trước đó. Sau khi dò ông có la lên nhiều lần rằng “anh D trúng đặc biệt rồi”, lúc đó có mặt ông D, ông H, ông T2, ông S; do ông D say rượu nên có nói “trúng vậy được rồi”. Bà P từ nhà sau đi ra kêu ông đưa tờ vé số cho bà xem nhưng ông không đưa, nên bà P giật lấy tờ vé số trên tay ông dò lại và cầm tờ vé số đi thẳng ra phía sau nhà. Sau đó ông H, bà P và ông T2 nhờ ông dẫn đi lĩnh tiền tại Đại lý vé số Sáu Mới. Khi lĩnh được tiền, bà P và ông H có đưa cho ông 50.000.000 đồng và kêu ông về nói lại với ông D là chỉ trúng giải an ủi, nhưng ông không nói lại với ông D như bà P yêu cầu, sau đó ông về nhà. Hiện nay Công an đang giữ số tiền 18.000.000 đồng và chiếc nhẫn vàng 24k không rõ trọng lượng, số còn lại ông đã chi xài cá nhân. Ông chấp nhận trả lại số tiền vàng trên cho ông D.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T1 xác định đã nhận số tiền từ bà P 50.000.000 đồng và ông đã đưa lại cho ông D. Nếu bà P yêu cầu ông trả lại thì ông D có trách nhiệm trả lại cho bà P.

Theo ông S trình bày:

Tờ vé số kiến thiết tỉnh Hậu Giang số 739607 mở ngày 12/8/2017 do ai mua ông không biết rõ. Vào khoảng 15 giờ ngày 13/8/2017 có tổ chức tiệc nhậu tại nhà bà P và ông H, lúc đó có mặt ông D, ông T1, ông H, ông T2 và ông. Tại tiệc nhậu ông D đã say rượu nên nhờ ông T1 dò tờ vé số đã mua trước đó; sau khi dò ông T1 la lên nhiều lần “anh D trúng đặc biệt rồi” lúc đó có mặt ông D, ông H, ông T2 và ông. Ai lấy tờ vé số đưa cho Tén dò thì ông không rõ nhưng có thấy bà P, ông H, ông T2 và ông T1 ra phía sau một lúc rồi cùng nhau đi lĩnh thưởng còn ông ở nhà nhậu tiếp với ông D và ông Nhí một lúc rồi ông về nhà. Sự việc chia tiền thưởng như thế nào thì ông không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 94/2018/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với bà Hứa Thị P, ông Ngô Văn H.

1. Buộc bà Hứa Thị P và ông Ngô Văn H phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Lê Văn D số tiền 1.722.000.000 đồng.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về việc phong tỏa tài khoản tại ngân hàng đối với 02 sổ tiết kiệm do bà Hứa Thị P đứng tên: Sổ tiết kiệm có số tài khoản 7500683158537, gửi 500.000.000 đồng và sổ tiết kiệm có số tài khoản 7500614008017, gửi 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Cà Mau. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12/4/2018 đương nhiên hết hiệu lực khi án có hiệu lực thi hành. Ông Lê Văn D được nhận lại ngay số tiền 20.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau đã phong tỏa số tài khoản 108868250499 (nộp theo quyết định số 01/2018/QĐ – BPBD ngày 11/4/2018 về việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15/8/2018 bà Hứa Thị P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D; hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, trả lại cho bà P hai sổ tiết kiệm 1.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P phát biểu:

Lời khai ông D cho rằng bà P chiếm đoạt tờ vé số là không có căn cứ. Lời khai bị đơn cho rằng tờ vé số ông D cho ông H là có căn cứ, được chứng minh:

Cuộc nhậu gồm có ông H, ông D, ông T1, ông S, ông T2. Đối với ông H theo kết luận giám định pháp y tại thời điểm xảy ra sự việc ông H bị hạn chế khả

năng nhận thức và điều khiển hành vi, hiện nay mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên lời khai của ông H không thể xem là chứng cứ. Qua lời khai của ông D, ông T1 chứng minh lời khai của bà P là đúng. Vì: lời khai ông T1 ngày 15/8/2017 khai ông D mua tờ vé số để vào cái hộp nhà ông H ... , phù hợp với lời khai của bà P, ông T1 cho rằng bà P giật tờ vé số trên tay ông T1, vì sao những người khác không giật được mà bà P giật được (vì ông T1 cho rằng cầm chặt tờ vé số trong tay), là không phù hợp. Nếu tờ vé số của ông D vì sao ông T1 cùng bà P, ông H, ông T2 đi lãnh thưởng. Như vậy không có căn cứ cho rằng bà P giật tờ vé số. Lời khai của ông T1 tại phiên tòa khi được hỏi đến những tình tiết quan trọng của vụ án thì ông cho rằng không nhớ, còn những tình tiết không quan trọng thì nhớ rất chi tiết. Việc ông D tố giác bà P chiếm đoạt tờ vé số đã được cơ quan điều tra tiến hành điều tra, cơ quan điều tra không khởi tố bà P, chứng minh bà P không giật tờ vé số. Ông D, ông T1 khai dò số khoảng 15 giờ 30 phút ngày 13/8/2017, ông S khai lúc dò vé số khoảng 15 giờ. Ông Sáu Mới là chủ đại lý vé số khai ông T1 điện thoại liên hệ đôi số trúng thưởng khoảng từ 13 giờ - 13 giờ 30 phút. Lời khai ông D, ông T1 không khớp với lời khai ông Sáu Mới. Do đó lời khai bà P dò số trúng khoản 10 giờ – 11 giờ là đúng. Nếu ông D móc tờ vé số trong túi quần đưa ông T1 dò, ông T1 dò trúng đặc biệt là lên nhưng ông D cho rằng không biết là không căn cứ. Chứng minh trình bày của ông D tại biên bản hòa giải ngày 11/5/2018: Sau khi dò ông T1 có cho ông D biết đã trúng giải đặc biệt, nhưng do say rượu nên ngủ tiếp ... Như vậy ông D đã biết tờ vé số trúng đặc biệt từ ngày 13/8/2017 nhưng không ý kiến gì, chứng minh tờ vé số là ông D cho ông H. Tại cấp sơ thẩm chỉ tập trung vào lời khai của ông H để làm chứng cứ, nhưng hiện nay đã có kết luận giám định tại thời điểm xảy ra vụ việc ông H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, đến nay ông H mất năng lực hành vi dân sự nên không chấp nhận lời khai ông H là chứng cứ. Từ phân tích như trên, kiến nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà P sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, do tờ vé số là của ông D cho ông H nên bà P đồng ý cho lại ông D 500.000.000 đồng.

Bà P phát biểu ý kiến tranh luận:

Bà P thống nhất với ý kiến phát biểu của Luật sư Thuận nhưng trình bày thêm: Khi dò tờ vé số ông D biết trúng đặc biệt ông D có nói “trúng số thì cho tiền anh sài với”, tối đó ông D ngủ lại nhà bà đêm 13/8/2017. Ông T1 vu khống bà P giật tờ vé số. Việc ông T1, ông D cho rằng ông D không cho ông H tờ vé số là vu khống.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho ông D phát biểu:

Lời khai của ông T1 là có căn cứ, thể hiện ngày 07/9/2017 ông T1 khai rất rõ: Ông T1 khai bán tờ vé số cho ông D, ông D bỏ tờ vé số vào túi quần ... Bà P khai bà lấy tờ vé số trong lon đưa ông H nhờ ông T1 dò dùm. Nếu bà P cho rằng tờ vé số ông D mua cho ông H nhưng vì sao khi dò tờ vé số trúng bà P bước ra hỏi tờ vé số của ai. Ông D yêu cầu bà P và ông H trả số tiền trúng số 1.780.000.000 đồng, sau đó có thay đổi yêu cầu trả số tiền bằng 1.722.000.000 đồng là có căn cứ, vì: Tờ vé số ông T1 bán cho ông D, ông D đưa tờ vé số cho ông T1 dò dùm, khi dò trúng

ông D đã say nên nói vậy được rồi. Lời khai bà P thừa nhận lúc đó ông D đã say. Như vậy lời khai của bà P, ông T1, ông D là phù hợp.

Lời khai ông H ngày 16/8/2017: Tờ vé số là của ông D mua, cất vào hộp thuốc ..., khi ông T1 dò nói trúng đặc biệt thì bà P lấy tờ vé số xem nói trúng an ủi chứ đặc biệt gì. Nhưng lời khai bà P ngày 15/8/2017 khai lấy tờ vé số trong lon đưa cho ông H là mâu thuẫn với lời khai của ông H. Lời khai bà P tại cơ quan điều tra ngày 16/8/2017, ngày 31/10/2017 khai rất rõ ràng. Bà P cho rằng lời khai của bà bị ép cung nhưng không có căn cứ chứng minh. Lời khai bà P đã thừa nhận, nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự được xem là chứng cứ không cần chứng minh. Nếu cho rằng ông H bị bệnh thì lời của ông H nói với bà P tối 12/8/2017 về tờ vé số có căn cứ hay không. Ông H không bị bệnh, kết luận giám định cho rằng ông H bị bệnh là không có căn cứ. Chứng minh: Ngày 13/8/2017 ông H nhậu từ 8 giờ đến 13 giờ. Đến 15 giờ chở ông T1 đi lãnh thưởng. Ngày 14/8/2017 ông H điều khiển xe chở ông D đi mua vàng. Nếu một người bị bệnh tâm thần có làm được việc này hay không. Hơn nữa những người lân cận xác nhận thời điểm đó ông H đi làm công việc bình thường. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra có quyết định trưng cầu giám định đối với ông H nhưng gia đình không đưa đi giám định. Tại cấp sơ thẩm bà P cũng không yêu cầu tuyên bố ông H mất năng lực hành vi dân sự. Theo Công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ, thì trường hợp này xem xét giải quyết như người bình thường.

Án sơ thẩm xét xử, ông H không kháng cáo nên có hiệu lực phần ông H. Bà P kháng cáo phần bà P nhưng không có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Về vấn đề chia 3 tiền trúng số: Quá trình điều tra ông D đồng ý chia vì muốn giải quyết xong vụ án, nhưng do bị đơn không đồng ý nên nguyên đơn thay đổi ý kiến không đồng ý chia mà yêu cầu toàn bộ số tiền trúng số.

Ông D, ông T1, ông S không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà P. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 94/2018/DS-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc bà P và người đại diện cho ông H là bà P trả lại cho ông D số tiền 820.000.000 đồng. Án phí dân sự và chi phí giám định các đương sự phải chịu theo luật định. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 12/4/2018 và Quyết định phong tỏa tài khoản số 46 ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đối với số tiền bà P đang gửi hai sổ tiết kiệm 1.500.000.000 đồng tại Ngân hàng Agribank Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử thực hiện theo quy định pháp luật khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với đơn yêu cầu ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn yêu cầu triệu tập Điều tra viên để làm rõ việc bà P cho rằng điều tra viên ép cung là hành vi phỉ báng, vu khống làm ảnh hưởng đến uy tín điều tra viên, uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng, thấy rằng: Nếu trường hợp bà P có hành vi phỉ báng, vu khống điều tra viên ép cung làm ảnh hưởng đến uy tín điều tra viên và cơ quan tiến hành tố tụng thì điều tra viên, cơ quan tiến hành tố tụng có quyền yêu cầu xử lý đối với bà P về hành vi phỉ báng, vu khống. Do đó yêu cầu của Luật sư không có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn yêu cầu triệu tập Giám định viên để làm rõ kết luận giám định vì cho rằng kết luận giám định là không căn cứ. Bởi lẽ kết luận giám định mâu thuẫn với lời khai bà P, nếu ông H bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần thì không thể nào ngày 13/8/2017 ngồi nhậu liên tục từ sáng đến chiều mà lại điều khiển xe máy chở ông T1 từ nhà đến đại lý vé số Sáu Mới và sáng ngày 14/8/2017 lại điều khiển xe chở ông H đi mua đồ, mua vàng. Xét thấy, theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 256/2018/KLGĐTC ngày 26/12/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ tại Cần Thơ thể hiện: “Tại thời điểm xảy ra vụ việc: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần, giai đoạn bệnh thuyên giảm”. Căn cứ kết luận được nêu rõ trong kết luận giám định, Luật sư cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh việc giám định có vi phạm về trình tự thủ tục nên không cần thiết phải triệu tập giám định viên tại phiên tòa để giải thích Kết luận giám định. Do đó yêu cầu của Luật sư triệu tập giám định viên là không được chấp nhận.

[3] Đối với ông H, theo kết luận giám định pháp y tâm thần tại thời điểm xảy ra vụ việc ông H hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần, giai đoạn bệnh thuyên giảm. Hiện tại ông H mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần, giai đoạn bệnh nặng. Xét thấy cần thiết phải có người đại diện cho ông H, nhưng do tại cấp sơ thẩm không thực hiện được việc giám định để xác định năng lực hành vi của ông H nên không đưa người đại diện cho ông H. Tại phiên tòa phúc thẩm bà P đồng ý đại diện cho ông H và Hội đồng xét xử chấp nhận. Không cần thiết đặt ra vấn đề sai sót này để hủy án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bà P, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông D tranh chấp với bà P, ông H quyền sở hữu đối với tờ vé số của tỉnh Hậu Giang mở ngày 12/8/2017 số 739607 trúng thưởng giải đặc biệt 2.000.000.000 đồng. Ông D cho rằng tờ vé số ông mua của ông T1 ngày 12/8/2017 tại nhà ông H, bà P, mua thiếu đến ngày 13/8/2017 mới trả tiền. Ngày 13/8/2017 nhậu tại nhà ông H, bà P, khi đã say rượu ông D móc tờ vé số trong túi quần nhờ ông T1 dò dùm, khi dò ông T1 có cho ông D biết đã trúng số rồi nhưng do say rượu nên ông D ngủ tiếp. Bà P giật tờ vé số của ông T1 dò và nói trúng an ủi rồi đi lĩnh thưởng. Ông D xác định tờ vé số trúng thưởng là thuộc quyền sở hữu của ông D nên yêu cầu bà P, ông H trả lại cho ông D số tiền lĩnh thưởng sau khi đã trừ thuế và hoa hồng 220.000.000 đồng, cho ông T1 50.000.000 đồng, bà P đưa cho ông D 8.000.000 đồng còn lại 1.722.000.000 đồng.

Bà P cho rằng tờ vé số trúng thưởng nêu trên ông D mua cho ông H vào ngày 12/8/2017. Ngày 13/8/2017 khi đưa ông T1 dò dùm phát hiện trúng đặc biệt la lên, bà P lấy tờ vé số dò lại phát hiện trúng đặc biệt đi lĩnh thưởng thì ông D cũng biết và không có ý kiến gì. Khi lĩnh thưởng về bà P có cho ông D 20.000.000 đồng. Ông D ngủ lại nhà bà P đêm ngày 13/8/2017, đến sáng ngày 14/8/2017 ông D mới ra về. Bà P xác định tờ vé số trúng thưởng nêu trên là thuộc quyền sở hữu của bà P và ông H nên không đồng ý yêu cầu của ông D.

[5] Xét thấy tờ vé số nêu trên ông D mua của ông T1 ngày 12/8/2017, đến ngày 13/8/2017 ông D mới trả tiền cho ông T1 là thực tế có xảy ra, được các đương sự thừa nhận, nên được xem là chứng cứ không cần phải chứng minh. Việc ông D có cho ông H tờ vé số nêu trên hay không thì các đương sự trình bày không thống nhất nhau, ông D xác định không có cho ông H, bà P xác định ông D cho ông H.

Xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự xét thấy:

Đối với ông D: Lời khai ngày 14/8/2017 (bút lục 153) ông D trình bày ông D mớ tờ vé số nhờ ông T1 dò dùm, ông T1 nói trúng đặc biệt rồi, ... thấy bà P ở trong buồng ra kêu ông T1 đưa tờ vé số xem thử...Lời khai ngày 15/8/2017 (bút lục 152) ông D trình bày ông D đưa tờ vé số nhờ ông T1 dò dùm thì ông T1 nói trúng độc đắc rồi, bà P đi đến cầm tờ vé số từ tay của ông T1 nói chỉ trúng an ủi thôi không có trúng đặc biệt và đem vào phòng cất giữ. Lúc này ông D nhậu tại nhà ông H đã lâu nên đã say và bỏ đi về nhà. .. khi mua tờ vé số ông D có hứa nếu trúng độc đắc thì chia 03 phần: ông D 1 phần, ông H 1 phần, ông T1 1 phần ...; Lời khai ngày 17/8/2017 (bút lục 151) ông D trình bày: Khi ông T1 dò tờ vé số la lên anh D trúng đặc biệt rồi, lúc đó có mặt ông D, ông H, ông T1, ông S, mọi người đều reo hò mừng rỡ. Bà P lấy tờ vé số nói trúng an ủi, không trả lại tờ vé số, ông D không nói gì ... Lúc dò số biết trúng lúc đó khoảng hơn 12 giờ, ông D nhậu thêm một lúc nữa thì say quá lên văng nhà ông H ngủ ...; Lời khai ngày 13/9/2017 (bút lục 150) ông D trình bày: ... Ông D lấy tờ vé số từ trong túi quần của mình đưa cho ông T1 dò dùm, khi phát hiện tờ vé số trúng đặc biệt thì ông T1 có la lên, lúc đó bà P từ trong phòng bước ra kêu ông T1 đưa cho bà P dò lại, ông T1 đưa cho bà P dò, dò xong bà P nói trúng an ủi rồi bỏ vào túi quần đi vào nhà sau. Do lúc này ông D say rượu nên khi nghe bà P nói vậy ông D cũng không có phản ứng gì ...; Lời khai ngày 26/9/2017 (bút lục 149) ông D trình bày: ... Ông D lấy tờ vé số trong túi đưa ông T1 dò dùm, ông T1 la lên trúng đặc biệt ...; Lời khai ngày 16/10/2017 (bút lục 148) ông D trình bày: ... Ông T1 dò số la lên trúng rồi, lúc này bản thân ông D đã quá say, bản thân ông D không có biểu hiện gì và tiếp tục nhậu; Lời khai ngày 18/10/2017 (bút lục 146) ông D trình bày: ... Lúc ông T1 dò số có la lên trúng rồi, khi ông T1 la như vậy thì ông D tiếp tục nhậu 2 – 3 ly thì phát hiện ông T1 và ông H đi đâu không rõ, ông D lên văng nhà ông H ngủ...; Lời khai ngày 09/11/2017 (bút lục 145) ông D trình bày không biết bà P, ông T1, ông H, ông T2 đi đổi vé số thời điểm nào, tại nhà ông H còn lại ông D và ông S; ông và Sơn ngồi nhậu tiếp ...

Đối với ông H: Lời khai ngày 16/8/2017 (bút lục 144) ông H trình bày: tờ vé số là của ông D mua cất vào hộp thuốc ..., đến khoảng 13 giờ ngày 13/8/2017 ông T1 bán vé số vào nhậu, lúc này ông D đưa tờ vé số cho ông T1 dò, ông T1 nói trúng đặc biệt rồi, lúc này cả bốn mừng rỡ thì bà P ra lấy tờ vé số xem thử nói không có trúng, chỉ trúng an ủi mà thôi rồi bà P lấy tờ vé số cất giấu;... lúc mua số ông D nói trúng chia 3 ...

Đối với bà P: Lời khai ngày 15/8/2017 (bút lục 143) bà P trình bày: Ông H lấy cái cống chứa tờ vé số ra dò, khi đem ra ông T1 dò thì ông T1 la trúng đặc biệt rồi ..., bà P từ nhà sau đi ra nói với ông T1 đưa bà P dò coi có chính xác không, bà P lấy tờ vé số và sổ dò dò thì phát hiện tờ vé số trúng đặc biệt, bà P hỏi tờ vé số của ai, ông D nói mua 10.000 đồng cho ông H nếu dò trúng thì chia cho ông D; Lời khai ngày 15/8/2017 (bút lục 142) bà P trình bày: Bà P đang dọn dẹp nhà sau nghe ông T1 la anh H trúng số rồi, bà P chỉ nghe ông T1 la lên còn việc ông T1 lấy tờ vé số từ đâu để dò bà không thấy, bà P mới đi ra lấy tờ vé số dò thì phát hiện trúng đặc biệt, bà P bỏ tờ vé số vào túi quần và nói với ông D tờ vé số này là sao mà nói ông T1 có phần trong đây, ông D nói ông D mua ông D gửi cho Hậu...; Lời khai ngày 14/9/2017 (bút lục 140) bà P trình bày: Ông H đưa tờ vé số cho ông T1 dò, trước đó tờ vé số để trong cái cống bằng nhựa có nắp đậy để trên bàn máy may, bà P là người trực tiếp đưa cái cống cho ông H. Lúc dò số có ông H, ông T1, ông T2, ông D, ông S, khi dò số xong ông T1 la lên anh H trúng đặc biệt rồi, ông T1 với anh H chia 2, bà P có nhà ở rồi. Ông D nói ông D mua cho ông H, may không có gì hết. Bà P trong nhà bước ra kêu ông T1 đưa bà P dò, bà P dò lại thì phát hiện trúng đặc biệt nên có nói trúng đặc biệt rồi anh D ơi. Lúc đó ông D nói ông D mừng quá. Bà P hỏi ông D tờ vé số của ai mà ông T1 đòi chia, ông D nói mua cho ông H; Lời khai ngày 26/10/2017 (bút lục 138) bà P trình bày: Bà P lấy tờ vé số trong cống nhựa đưa cho ông H, ông H đưa ông T1 dò, bà P nghe ông T1 la lên anh H trúng đặc biệt rồi. Bà P kêu ông T1 đưa tờ vé số bà P dò lại, bà P dò lại phát hiện trúng bà P nói trúng đặc biệt rồi anh D ơi, ông D nói “ anh mừng quá em dâu ơi”... ông T1 hô lên “em với anh H chia đôi, đợt này em có nhà ở rồi”, ông D nói vé số này ông D mua cho ông H, ông T1 không có gì hết, có trúng thì ông H cho tiền ông D xài... Khi đi lãnh thưởng ông D, ông S tiếp tục ngồi tại nhà nhậu.

Đối với ông T1: Lời khai ngày 15/8/2017 (bút lục 134, 135) ông T1 trình bày: Ông T1 bán vé số cho ông D, ông D cầm lấy vé số để vào một cái hộp của ông H tại nhà ông H ... Ông D lấy tờ vé số để trong hộp tại nhà ông H ra đưa ông T1 dò. Khi dò phát hiện trúng đặc biệt ông T1 la lên trúng đặc biệt rồi ... Khi mua ông D có nói trúng chia ba, khi dò số trúng la lên thì có ông D ngồi ở đó ...; Lời khai ngày 07/9/2017 (bút lục 133) ông T1 trình bày: Khi dò số ông D say ngồi gục qua, gục lại ... khi lãnh tiền về thấy ông D ngồi gục qua, gục lại, ông H kêu ông D lên võng; Lời khai ngày 20/10/2017 (bút lục 130) ông T1 trình bày: Khi dò số ông T1 hô to “anh D trúng đặc biệt rồi”, thời điểm này ông S, ông H, ông T2, ông D đang ngồi, ông D nói “vậy được rồi”...; Tại biên bản đối chất ngày 06/02/2018 (bút lục 88) ông T1 trình bày: Khi dò trúng la lên anh D trúng đặc biệt rồi, ... ông D nói “thôi vậy được rồi”...; Tại Tờ tường thuật ngày 20/9/2017 (bút lục 180) ông T1 trình bày: Khi dò tờ vé số trúng la lên ông D trúng vé số rồi, ông T1 vừa nhảy, vừa la ông D trúng số rồi; ông D và mấy ông nhậu chung cũng nhảy theo và chồm

giật tờ vé số nhưng không được vì lúc này ông T1 nắm chặt tờ vé số trong tay. Bà P nghe nên từ nhà sau bà P đi ra chụp tờ vé số của ông D từ trên tay ông T1...

Đối với ông S: Lời khai ngày 07/9/2017 (bút lục 136) ông S khai: Không biết ai đưa tờ vé số cho ông T1 dò ..., ông T1 la lên trúng đặc biệt, những người nhậu chung cũng la reo mừng ...; bà P ra lấy tờ vé số cất giữ (tự lấy), bà P không có nói trúng đặc biệt hay an ủi, ông D không có nói gì mà ngồi nhậu bình thường ...; ông H, bà P, ông T2, ông Tến cùng nhau đi đổi vé số, còn lại ông S, ông D, Nhí nhậu tiếp, ông D cũng không có nói gì...; Lời khai ngày 26/10/2017 (bút lục 139) ông S trình bày: Không biết ai đưa tờ vé số ông T1 dò, lúc này ông T1 đứng lên và hô trúng đặc biệt, trúng đặc biệt rồi ...; lúc này bà P từ trong buồng đi ra đến chỗ ông T1 đứng, bà P cùng ông T1 xem tờ vé số..., bà P đi vào trong buồng, thấy ông T1, ông T2, ông H đi theo vào trong buồng; còn lại ông, ông D, Nhí nhậu tiếp. Khoảng 15 phút sau thấy bà P, ông H, ông T2, ông T1 từ trong buồng đi ra, nghe ông H nói là đi đổi vé số trúng thưởng và kêu ông S, ông D, Nhí ở nhà nhậu ...

Theo trình bày của ông D và ông T1 thể hiện ông D là người chủ động móc tờ vé số trong túi quần đưa cho ông T1 nhờ dò dùm. Trong khoảng thời gian rất ngắn ông T1 dò và la lên trúng đặc biệt nhưng ông D cho rằng do say rượu nên ông ngủ tiếp là không có căn cứ thuyết phục. Đối với lời khai của ông D, bà P, ông T1, ông S tuy có mâu thuẫn chưa thống nhất nhau, nhưng thể hiện khi ông T1 dò tờ vé số phát hiện trúng đặc biệt ông T1 có la lên, ông D cũng biết tờ vé số trúng đặc biệt, bà P lấy tờ vé số dò lại và đi lãnh thưởng nhưng ông D cũng không phản ứng gì. Các lời khai của ông D, ông T1, ông S, bà P đều không thể hiện bà P giật tờ vé số như ông T1 trình bày tại phiên tòa. Đối với lời khai ông H, quá trình điều tra chỉ có 01 lời khai duy nhất vào ngày 16/8/2017 có mâu thuẫn với lời khai bà P, nhưng không đối chất được với bà P cũng như ông D, ông T1, ông S; hơn nữa theo kết luận giám định pháp y tâm thần, tại thời điểm xảy ra vụ việc ông H bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hiện tại ông H mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên lời khai ông H 16/8/2017 chưa thể xem là chứng cứ.

Việc bà P cho rằng bị điều tra viên ép cung, bà P chứng minh là bà có làm đơn thưa điều tra viên, nhưng không có văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền kết luận điều tra viên có hành vi ép cung; do đó lời trình bày của bà P là không có căn cứ.

Ông D, ông T1 cho rằng ông D móc tờ vé số trong túi quần đưa cho ông T1 nhờ dò dùm, nhưng lời khai ông T1 ngày 15/8/2017 (bút lục 134, 135) ông T1 khai ông bán tờ vé số cho ông D, ông D cầm tờ vé số để vào một cái hộp của nhà ông H tại nhà ông H, ông D lấy tờ vé số để trong hộp tại nhà ông H ra đưa ông T1 dò. Còn bà P cho rằng tờ vé số ông D mua cho ông H, ông H kêu bà lấy cái cống đựng tờ vé số đưa cho ông H nhờ ông T1 dò dùm, nhưng lời khai ngày 15/8/2017 (bút lục 143) bà P khai: Bà hỏi tờ vé số của ai, ông D nói ông D mua 10.000 đồng cho ông H, nếu dò trúng thì chia cho ông D; lời khai ngày 15/8/2017 (bút lục 142) bà P khai: Bà P chỉ nghe ông T1 la lên, còn việc ông T1 lấy vé số từ đâu để dò bà P không thấy, bà P mới đi ra lấy tờ vé số dò thì phát hiện trúng đặc biệt, bà P bỏ tờ vé số vào túi quần và nói với ông D số này là sao mà ông T1 nói có phần trong đây, ông D nói “anh mua anh gửi cho Hậu”; Lời khai ngày 14/9/2017 (bút lục 140) bà P khai: bà P hỏi ông D tờ vé số của ai mà ông T1 đòi chia, ông D nói ông D

mua cho ông H. Lời khai ông S ngày 07/9/2017 (bút lục 136) và ngày 26/10/2017 (bút lục 139) đều xác định không biết ai đưa tờ vé số cho ông T1 dò. Đối chiếu lời khai của ông D, ông T1, bà P là có mâu thuẫn với nhau, chưa đủ căn cứ minh ông D có cho ông H tờ vé số hay không, ông D đưa tờ vé số cho ông T1 dò dùm hay bà P đưa cho ông H đưa cho ông T1 dò dùm. Tuy nhiên, đối chiếu lời khai ông T1 với bà P thể hiện có điểm chung là tờ vé số ông D mua ngày 12/8/2017 sau khi mua được bỏ vào trong cái hộp nhà của ông H, từ ngày 12 đến ngày 13/8/2017 ông H quản lý tờ vé số. Lời khai ông D ngày 15/8/2017 (bút lục 152), ngày 09/11/2017 (bút lục 145) và tại phiên tòa ông D cũng thừa nhận khi mua tờ vé số ông D có nói trúng chia 3 phần (Dữ 1 phần, ông H và bà P 1 phần, Tên một phần). Tại phiên tòa ông D cũng không giải thích được nếu tờ vé số là của riêng ông D tự mua thì vì sao khi mua ông D lại hứa nếu trúng phải chia. Điều này phù hợp với tình tiết bà P trình bày ông D kêu ông H lấy tiền mua rượu, còn ông D trả tiền mua tờ vé số. Như vậy có căn cứ xác định tờ vé số mua của ông T1 ngày 12/8/2017 do ông H quản lý, còn ông D là người trả tiền vé số cho ông T1 vào ngày 13/8/2017 và khi mua tờ vé số ông D có thông nhất nếu trúng chia 3. Án sơ thẩm xác định tờ vé số trúng thưởng thuộc quyền sở hữu của ông D và buộc bà P và ông H trả lại cho ông D toàn bộ số tiền trúng số theo yêu cầu của ông D là không phù hợp. Do đó cấp phúc thẩm xét thấy cần phải sửa án sơ thẩm phân chia đối với số tiền trúng thưởng của tờ vé số mà các đương sự đã tranh chấp là phù hợp.

[6] Tuy nhiên, đối với ông T1 mặc dù khi mua tờ vé số ngày 12/8/2017 ông D có thông nhất chia cho ông T1 1 phần, ngày 13/8/2017 ông D đã trả tiền mua tờ vé số cho ông T1. Hơn nữa trong vụ án này ông T1 cũng không có tranh chấp yêu cầu phân chia nên số tiền trúng thưởng của tờ vé số được phân chia cho ông D hưởng $\frac{1}{2}$, ông H và bà P hưởng $\frac{1}{2}$ là phù hợp.

Đối với số tiền bà P đã giao cho ông D, bà P cho rằng 20.000.000 đồng, ông D cho rằng 8.000.000 đồng. Xét thấy tại biên bản ghi lời khai ngày 26/9/2017 (Bút lục 149) ông D trình bày: ông D thấy chỉ có trúng 50.000.000đ (trúng an ủi) thì bà P đưa 20.000.000 đồng cũng được nên ông không đòi hỏi gì thêm. Do đó có căn cứ xác định số tiền bà P giao cho ông D 20.000.000 đồng. Trong số tiền này bà P xác định ông D có gửi lại cho bà 6.500.000 đồng, như vậy số tiền còn lại ông D đã nhận là 13.500.000 đồng.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng ông T1 đã nhận, ông T1 xác định đã giao lại cho ông D; ông D xác định số tiền này giữa ông D và ông T1 tự thương lượng, không yêu cầu giải quyết, nên số tiền này cần được đối trừ trong số tiền phân chia cho ông D được nhận.

Đối với số tiền 50.000.000đ của ông T2 nên buộc bà P và ông H tự chịu trách nhiệm đối với số tiền này.

Như vậy giá trị giải thưởng của tờ vé số là 2.000.000.000 đồng được trừ tiền thuế và tiền hoa hồng khi lĩnh thưởng 220.000.000 đồng, còn lại 1.780.000.000 đồng được phân chia cho ông D hưởng $\frac{1}{2}$ bằng 890.000.000 đồng, bà P và ông H được hưởng $\frac{1}{2}$ bằng 890.000.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm bà P và ông H phải chịu theo quy định pháp luật. Án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo của bà P được chấp nhận nên bà P không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Về nghĩa vụ thi hành án, do số tiền còn lại ông D được nhận hiện nay đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, ông D được hưởng số tiền lãi phát sinh tương ứng của số tiền được nhận nên không buộc bà P và ông H phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Hứa Thị P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 94/2018/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D.

1. Buộc bà Hứa Thị P và ông Ngô Văn H (do bà P đại diện) có nghĩa vụ giao trả cho ông D số tiền 890.000.000 đồng, được trừ số tiền 50.000.000 đồng ông D nhận lại của ông T1 và 13.500.000 đồng ông D nhận của bà P, số tiền còn lại ông D được nhận từ số tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Cà Mau 826.500.000 đồng. Phần tiền lãi tiết kiệm phát sinh của số tiền 826.500.000 đồng ông D được hưởng.

2. Bà Hứa Thị P và ông Ngô Văn H được hưởng số tiền 890.000.000 đồng, được trừ số tiền 50.000.000 đồng của ông T2 và 166.500.000 đồng bà P quản lý (trong đó có 6.500.000 đồng ông D gửi), số tiền còn lại bà P và ông H được nhận từ số tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Cà Mau 673.500.000 đồng. Phần tiền lãi tiết kiệm phát sinh của số tiền 673.500.000 đồng bà P và ông H được hưởng.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về việc phong tỏa tài khoản tại ngân hàng đối với 02 sổ tiết kiệm do bà Hứa Thị P đứng tên: Sổ tiết kiệm có số tài khoản 7500683158537, gửi 500.000.000 đồng và sổ tiết kiệm có số tài khoản 7500614008017, gửi 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Cà Mau để đảm bảo cho việc thi hành án. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12/4/2018 đương nhiên hết hiệu lực khi cơ quan thi hành án tổ chức thi hành bản án. Ông Lê Văn D được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Cà

Mau đã phong tỏa số tài khoản 108868250499 (nộp theo quyết định số 01/2018/QĐ – BPBD ngày 11/4/2018 về việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm).

4. Chi phí giám định 4.333.750 đồng bà Hứa Thị P và ông Ngô Văn H phải chịu, đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hứa Thị P và ông Ngô Văn H phải chịu 38.700.000 đồng.

Ông Lê Văn D không phải chịu án phí, ngày 06/4/2018 ông Lê Văn D đã dự nộp 16.350.000 đồng theo biên lai thu số 0000618 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

6. Án phí dân sự phúc thẩm bà Hứa Thị P không phải chịu. Ngày 15/8/2018, bà P đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001193 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Minh Tấn - Huỳnh Văn Yên

Nguyễn Thành Lập

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập